



Thứ năm, ngày 29 tháng 11 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Chờ cuộc họp G20

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                       | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|-----------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 29/11/2018       |          | •         |          |
| Tuần 26/11-30/11/2018 |          | •         |          |
| Tháng 11/2018         |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng ở phiên sáng, đến phiên chiều, chỉ số giảm điểm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VJC (+0.50 điểm); VHM (+0.41 điểm); LGC (+0.12 điểm); VRE (+0.11 điểm); CTG (+0.11 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-0.92 điểm); GAS (-0.83 điểm); HPG (-0.66 điểm); BVH (-0.50 điểm); PLX (-0.36 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu nhựa và vận tải, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2505 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 10.96 điểm. Thị trường có 121 mã tăng và 165 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 3.41 điểm, đóng cửa tại 926.79 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index giảm 0.29 điểm ở mức 187.05 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 95.87 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (90.51 tỷ), VCB (36.08 tỷ), SSI (19.96 tỷ). Ngoài ra, họ đã bán ròng 10.43 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch, đà tăng điểm giảm dần vào cuối phiên với lực mua tập trung ở nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, CTG, BID và TCB. Đến phiên chiều, thị trường giảm điểm do lực bán xuất hiện ở nhóm cổ phiếu dầu khí: GAS và PLX, nhóm cổ phiếu ngân hàng quay đầu bán mạnh. Theo quan điểm BSC, phiên sáng tăng điểm mạnh do thông tin tích cực Fed sẽ tăng lãi suất chậm lại và thị trường trong nước theo xu hướng thị trường khu vực. Tuy nhiên, kết thúc phiên giao dịch, thị trường giảm điểm do nhà đầu tư bán chốt lời và giảm tỷ trọng danh mục đầu tư trước thềm cuộc họp G20 diễn ra vào ngày mai.

### Phân tích kỹ thuật:

#### GAS\_Giảm giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

#### VN-INDEX

926.79

Giá trị: 2505 tỷ

-3.41 (-0.37%)

Khối ngoại (ròng): 95.87 tỷ

#### HNX-INDEX

104.17

Giá trị: 385.91 tỷ

0.07 (0.07%)

Khối ngoại (ròng): -10.43 tỷ

#### UPCOM-INDEX

52.29

Giá trị: 265.9 tỷ

0.13 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): 20.9 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 49.8    | -1.01% |
| Giá vàng           | 1,226   | 0.37%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,329  | -0.04% |
| Tỷ giá EUR/VND     | 26,529  | 0.01%  |
| Tỷ giá JPY/VND     | 20,582  | 0.26%  |
| LS liên NH 1 tháng | 0.0%    | 0.00%  |
| LS TPCP 5 năm      | 4.7%    | 0.00%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| VNM     | 90.5    | GAS     | 35.8    |
| VCB     | 36.1    | HPG     | 31.8    |
| SSI     | 20.0    | SAB     | 16.6    |
| VHM     | 13.7    | VRE     | 7.3     |
| SBT     | 12.3    | HSG     | 5.6     |

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Danh mục khuyến nghị

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

# Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

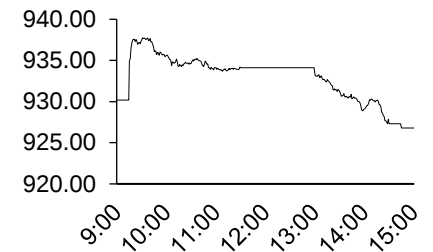
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                     |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|-----------------------------|
| VJC | 6.6                 | 132.5            | 127            | 138              | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| VNM | 5.4                 | 126.3            | 115            | 128              | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| ACB | 4.6                 | 29.5             | 27             | 30               | NGỪNG MUA  | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| PVS | 3.0                 | 18.8             | 18             | 20               | NGỪNG MUA  | Điều chỉnh trong trung hạn  |
| VRE | 2.7                 | 31.2             | 28             | 31               | NGỪNG MUA  | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| ROS | 2.5                 | 36.1             | 35             | 39               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài            |
| SBT | 1.9                 | 21.5             | 20             | 23               | NGỪNG BÁN  | Điều chỉnh trong ngắn hạn   |
| HVN | 1.7                 | 33.6             | 27             | 35               | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |
| VIC | 1.6                 | 102.0            | 90             | 106              | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài            |
| VHM | 1.6                 | 78.7             | 70             | 81               | MUA        | Hồi phục giá trong ngắn hạn |

Lê Quốc Trung

[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

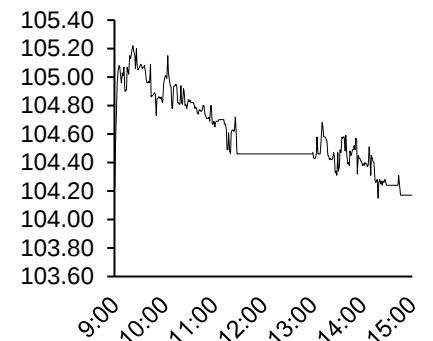
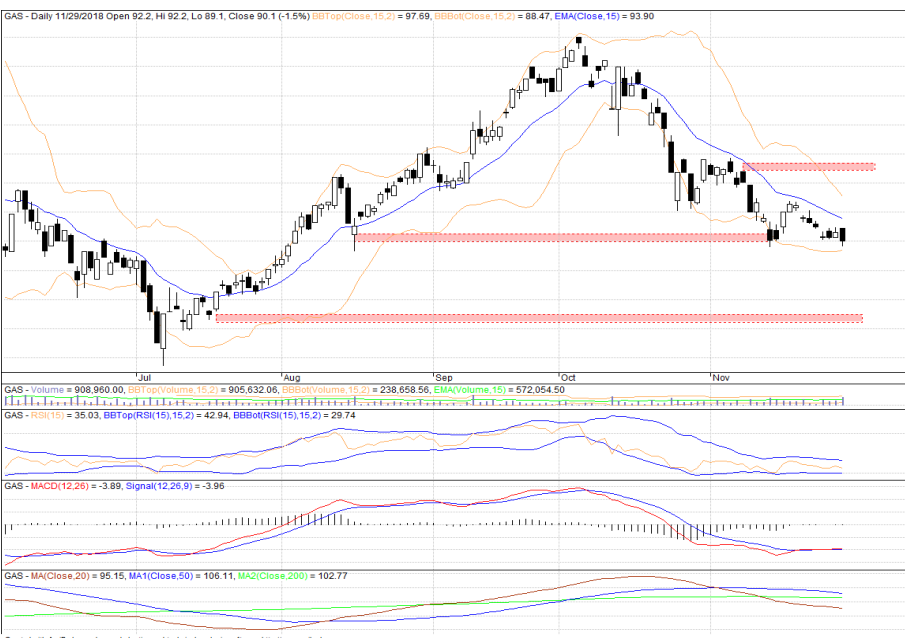
## Phân tích kỹ thuật

### GAS\_Giảm giá

#### Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn
- Chỉ báo MACD: Duy trì dưới mức 0
- Khối lượng giao dịch: Tăng mạnh
- Đường MA: MA20 nằm dưới MA50 và MA200

**Nhận định:** GAS là cổ phiếu ngành Dầu khí hiện đang trong xu hướng giảm giá trung hạn. Đường MA20 nằm dưới MA50 và MA200 cho xu hướng giảm giá. Hiện tại giá cổ phiếu vừa chạm vùng hỗ trợ quanh ngưỡng 90.1, tuy nhiên, giá GAS cũng đã tạo thành mô hình nền Engulfing giảm đi cùng với khối lượng giao dịch tăng mạnh trong phiên giao dịch ngày hôm nay cho thấy sức ép từ phía phe bán. Nhiều khả năng GAS sẽ phá qua mức hỗ trợ 90.1, hướng tới vùng hỗ trợ tiếp theo quanh ngưỡng 77.8.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Bảng 1

##### Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1812 | 885.2 | -0.6%  | -2.5%  |
| VN30F1901 | 885.0 | -0.6%  | 38.3%  |
| VN30F1903 | 886.0 | -0.5%  | 126.2% |
| VN30F1906 | 890.1 | 0.1%   | -58.9% |

#### Bảng 2

##### Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VJC | 133 | 2.3       | 1.3      |
| VRE | 31  | 0.7       | 0.3      |
| MWG | 85  | 0.5       | 0.2      |
| DPM | 21  | 2.2       | 0.1      |
| MBB | 21  | 0.2       | 0.1      |

##### Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| HPG | 34  | -3        | -2.0     |
| VNM | 126 | -1        | -1.2     |
| PNJ | 91  | -4        | -0.9     |
| VPB | 21  | -1        | -0.6     |
| STB | 12  | -1        | -0.3     |

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua  | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|-----------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | REE | 20/7/2018 | 32.70   | 32.40        | -0.9%          | 30.1    | 37.6     |
| 2                 | HT1 | 22/8/2018 | 12.60   | 13.10        | 4.0%           | 11.6    | 14.5     |
| 3                 | PTB | 4/10/2018 | 64.00   | 62.40        | -2.5%          | 58.9    | 73.6     |
| <b>Trung bình</b> |     |           |         |              | <b>0.2%</b>    |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | MBB | 29/12/2017 | 20.8    | 20.90        | 0.5%           | 19.1    | 25.0     |
| 2                 | HPG | 29/12/2017 | 33.4    | 34.20        | 2.4%           | 31.7    | 40.1     |
| 3                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9    | 54.90        | 31.0%          | 39.8    | 60.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>11.3%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dùng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|------------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | PVT | 29/12/2017 | 17.7    | 16.0         | -9.6%          | 16.3    | 21.2     |
| 2                 | TCB | 31/10/2018 | 26.9    | 26.1         | -3.2%          | 25.0    | 30.0     |
| <b>Trung bình</b> |     |            |         |              | <b>-6.4%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B  | NN sở hữu | ROE   |       |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|------|-----------|-------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 85.0                    | 0.5%   | 0.7  | 1,591                  | 1.1                        | 6,481        | 13.1 | 4.5  | 49.0%     | 41.2% |       |
| PNJ | Bán lẻ            | 91.3                    | -4.4%  | 1.0  | 644                    | 2.6                        | 5,428        | 16.8 | 4.4  | 49.0%     | 30.0% |       |
| BVH | Bảo hiểm          | 95.0                    | -2.4%  | 1.3  | 2,895                  | 0.2                        | 1,728        | 55.0 | 4.6  | 24.8%     | 8.4%  |       |
| PVI | Bảo hiểm          | 32.5                    | 2.5%   | 0.8  | 327                    | 0.1                        | 2,265        | 14.4 | 1.1  | 43.9%     | 7.8%  |       |
| VIC | Bất động sản      | 102.0                   | 0.0%   | 1.1  | 14,154                 | 1.6                        | 1,366        | 74.6 | 5.9  | 9.4%      | 10.3% |       |
| VRE | Bất động sản      | 31.2                    | 0.6%   | 1.1  | 3,159                  | 2.7                        | 646          | 48.3 | 2.8  | 31.5%     | 5.7%  |       |
| NVL | Bất động sản      | 69.2                    | 0.1%   | 0.8  | 2,730                  | 0.7                        | 2,368        | 29.2 | 3.6  | 7.6%      | 14.2% |       |
| REE | Bất động sản      | 32.4                    | 0.2%   | 1.1  | 437                    | 0.3                        | 5,068        | 6.4  | 1.1  | 49.0%     | 19.1% |       |
| DXG | Bất động sản      | 24.0                    | -0.8%  | 1.5  | 365                    | 1.4                        | 3,042        | 7.9  | 1.8  | 47.5%     | 25.9% |       |
| SSI | Chứng khoán       | 28.3                    | 0.4%   | 1.3  | 614                    | 2.6                        | 2,899        | 9.8  | 1.5  | 58.0%     | 15.8% |       |
| VCI | Chứng khoán       | 50.9                    | 0.0%   | 1.0  | 361                    | 0.1                        | 4,289        | 11.9 | 2.7  | 41.4%     | 30.5% |       |
| HCM | Chứng khoán       | 54.9                    | 1.1%   | 1.4  | 309                    | 0.2                        | 6,094        | 9.0  | 2.3  | 62.4%     | 27.8% |       |
| FPT | Công nghệ         | 42.9                    | 0.2%   | 0.9  | 1,144                  | 1.0                        | 5,322        | 8.1  | 2.2  | 49.0%     | 28.9% |       |
| FOX | Công nghệ         | 50.0                    | 0.0%   | 0.4  | 492                    | 0.0                        | 3,453        | 14.5 | 3.7  | 0.2%      | 26.5% |       |
| GAS | Dầu khí           | 90.1                    | -1.5%  | 1.5  | 7,498                  | 3.6                        | 6,473        | 13.9 | 4.1  | 3.5%      | 30.6% |       |
| PLX | Dầu khí           | 57.4                    | -1.5%  | 1.5  | 2,892                  | 0.8                        | 3,285        | 17.5 | 3.4  | 11.0%     | 19.5% |       |
| PVS | Dầu khí           | 18.8                    | -2.1%  | 1.7  | 391                    | 3.0                        | 1,747        | 10.8 | 0.8  | 19.2%     | 7.8%  |       |
| BSR | Dầu khí           | #VALUE!                 | #####  | 0.8  | #VALUE!                | #VALUE!                    | #N/A         | N/A  | #N/A | N/A       | 34.1% | 23.0% |
| DHG | Dược              | 82.5                    | 0.1%   | 0.5  | 469                    | 0.4                        | 4,037        | 20.4 | 3.7  | 49.0%     | 18.3% |       |
| DPM | Hóa chất          | 21.2                    | 2.2%   | 0.9  | 360                    | 0.9                        | 1,492        | 14.2 | 1.0  | 21.1%     | 8.1%  |       |
| DCM | Hóa chất          | 10.3                    | 0.5%   | 0.7  | 237                    | 0.5                        | 997          | 10.3 | 0.9  | 4.0%      | 8.6%  |       |
| VCB | Ngân hàng         | 55.0                    | -0.2%  | 1.3  | 8,603                  | 5.7                        | 3,360        | 16.4 | 3.2  | 20.7%     | 20.9% |       |
| BID | Ngân hàng         | 31.3                    | -1.0%  | 1.7  | 4,645                  | 3.4                        | 2,401        | 13.0 | 2.1  | 2.8%      | 17.4% |       |
| CTG | Ngân hàng         | 22.9                    | 0.4%   | 1.6  | 3,699                  | 4.2                        | 2,064        | 11.1 | 1.2  | 30.0%     | 11.7% |       |
| VPB | Ngân hàng         | 20.8                    | -1.0%  | 1.2  | 2,222                  | 1.5                        | 2,820        | 7.4  | 1.7  | 23.2%     | 26.9% |       |
| MBB | Ngân hàng         | 20.9                    | 0.2%   | 1.2  | 1,963                  | 3.9                        | 2,366        | 8.8  | 1.4  | 20.0%     | 17.4% |       |
| ACB | Ngân hàng         | 29.5                    | 0.3%   | 1.2  | 1,600                  | 4.6                        | 3,498        | 8.4  | 1.9  | 34.3%     | 25.0% |       |
| BMP | Nhựa              | 55.5                    | -0.2%  | 0.9  | 198                    | 0.1                        | 5,586        | 9.9  | 1.8  | 77.3%     | 18.5% |       |
| NTP | Nhựa              | 43.0                    | 4.9%   | 0.4  | 167                    | 0.0                        | 3,938        | 10.9 | 1.8  | 23.1%     | 16.6% |       |
| MSR | Tài nguyên        | 20.6                    | 0.0%   | 1.2  | 805                    | 0.0                        | 229          | 90.0 | 1.6  | 2.1%      | 1.8%  |       |
| HPG | Thép              | 34.2                    | -2.8%  | 0.9  | 3,158                  | 6.1                        | 4,334        | 7.9  | 1.9  | 39.5%     | 26.7% |       |
| HSG | Thép              | 6.6                     | -5.1%  | 1.4  | 111                    | 1.4                        | 1,065        | 6.2  | 0.5  | 16.3%     | 8.0%  |       |
| VNM | Tiêu dùng         | 126.3                   | -1.3%  | 0.6  | 9,563                  | 5.4                        | 4,997        | 25.3 | 8.6  | 59.0%     | 35.2% |       |
| SAB | Tiêu dùng         | 250.0                   | 0.0%   | 0.8  | 6,970                  | 1.3                        | 6,902        | 36.2 | 9.6  | 9.8%      | 28.5% |       |
| MSN | Tiêu dùng         | 81.0                    | -0.4%  | 1.2  | 4,096                  | 1.3                        | 5,416        | 15.0 | 4.8  | 40.3%     | 30.9% |       |
| SBT | Tiêu dùng         | 21.5                    | -2.1%  | 0.7  | 463                    | 1.9                        | 869          | 24.7 | 1.8  | 11.0%     | 11.3% |       |
| ACV | Vận tải           | 79.0                    | -0.8%  | 0.8  | 7,478                  | 0.3                        | 1,883        | 42.0 | 6.3  | 3.6%      | 15.9% |       |
| VJC | Vận tải           | 132.5                   | 2.3%   | 1.1  | 3,120                  | 6.6                        | 9,463        | 14.0 | 6.8  | 23.8%     | 67.1% |       |
| HVN | Vận tải           | 33.6                    | 2.4%   | 1.7  | 1,824                  | 1.7                        | 1,727        | 19.5 | 2.7  | 9.3%      | 14.6% |       |
| GMD | Vận tải           | 28.1                    | 0.2%   | 0.8  | 362                    | 0.6                        | 6,311        | 4.4  | 1.5  | 48.6%     | 30.8% |       |
| PVT | Vận tải           | 16.0                    | 0.0%   | 0.8  | 196                    | 0.1                        | 2,165        | 7.4  | 1.2  | 34.0%     | 16.7% |       |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 72.8                    | 0.1%   | 1.0  | 496                    | 0.2                        | 5,620        | 13.0 | 4.1  | 2.5%      | 43.2% |       |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 16.2                    | -0.6%  | 0.9  | 316                    | 0.9                        | 1,179        | 13.7 | 1.2  | 24.3%     | 8.7%  |       |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 13.1                    | 0.0%   | 0.8  | 217                    | 0.1                        | 1,599        | 8.2  | 1.0  | 5.2%      | 12.2% |       |
| CTD | Xây dựng          | 157.0                   | -0.2%  | 0.8  | 534                    | 0.4                        | 20,202       | 7.8  | 1.5  | 44.0%     | 21.1% |       |
| VCG | Xây dựng          | 18.8                    | 1.1%   | 1.4  | 361                    | 1.2                        | 2,384        | 7.9  | 1.3  | 0.0%      | 17.6% |       |
| CII | Xây dựng          | 26.4                    | 0.8%   | 0.6  | 281                    | 0.2                        | 332          | 79.5 | 1.3  | 54.5%     | 1.7%  |       |
| POW | Điện              | 14.7                    | -1.3%  | 0.6  | 1,497                  | 0.8                        | 1,026        | 14.3 | 1.3  | 72.0%     | 9.1%  |       |
| NT2 | Điện              | 25.4                    | -0.4%  | 0.6  | 318                    | 0.0                        | 2,874        | 8.8  | 2.0  | 21.8%     | 19.8% |       |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VJC | 132.50 | 2.32 | 0.51     | 1.15MLN   |
| VHM | 78.70  | 0.51 | 0.42     | 473940.00 |
| LGC | 33.00  | 6.45 | 0.12     | 10.00     |
| VRE | 31.20  | 0.65 | 0.12     | 1.95MLN   |
| CTG | 22.85  | 0.44 | 0.12     | 4.18MLN   |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| VNM | 126.30 | -1.33 | -0.93    | 970820.00 |
| GAS | 90.10  | -1.53 | -0.84    | 908960.00 |
| HPG | 34.20  | -2.84 | -0.66    | 4.06MLN   |
| BVH | 95.00  | -2.36 | -0.50    | 58130.00  |
| PLX | 57.40  | -1.54 | -0.36    | 318590.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|------|----------|----------|
| THG | 28.30 | 6.99 | 0.01     | 26150.00 |
| SC5 | 26.80 | 6.99 | 0.01     | 9020.00  |
| KAC | 8.93  | 6.95 | 0.00     | 10.00    |
| LAF | 5.91  | 6.87 | 0.00     | 410.00   |
| EMC | 12.45 | 6.87 | 0.00     | 250.00   |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|-------|----------|----------|
| NNC | 48.90 | -8.43 | -0.03    | 51520.00 |
| PDN | 64.20 | -6.96 | -0.02    | 20.00    |
| DTA | 6.71  | -6.93 | 0.00     | 10.00    |
| OPC | 43.75 | -6.91 | -0.03    | 1020.00  |
| RIC | 6.47  | -6.91 | 0.00     | 150.00   |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| ACB | 29.50 | 0.34 | 0.13     | 3.54MLN   |
| NTP | 43.00 | 4.88 | 0.06     | 3200.00   |
| DGC | 51.10 | 2.00 | 0.04     | 355700.00 |
| DNP | 14.00 | 6.87 | 0.04     | 3400.00   |
| PVI | 32.50 | 2.52 | 0.03     | 63900.00  |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| SHB | 7.30  | -1.35 | -0.11    | 2.69MLN   |
| PVS | 18.80 | -2.08 | -0.10    | 3.59MLN   |
| CTB | 30.80 | -9.94 | -0.02    | 300.00    |
| VGC | 16.20 | -0.61 | -0.02    | 1.24MLN   |
| HUT | 4.10  | -2.38 | -0.02    | 859000.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

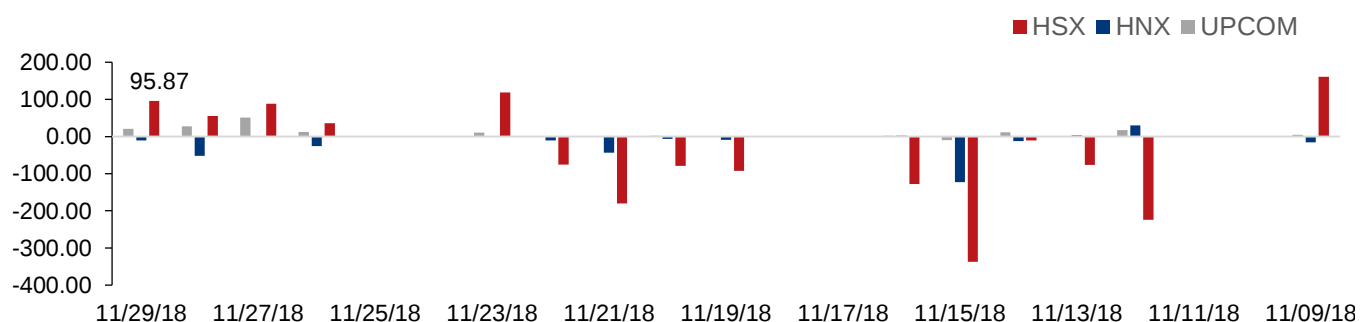
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|-------|----------|----------|
| NHP | 0.90  | 12.50 | 0.00     | 19000.00 |
| QHD | 14.30 | 10.00 | 0.01     | 1000.00  |
| PSD | 15.70 | 9.79  | 0.01     | 100.00   |
| ECI | 17.00 | 9.68  | 0.00     | 100.00   |
| KDM | 4.60  | 9.52  | 0.00     | 35900.00 |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %      | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|--------|----------|----------|
| DPS | 0.60  | -14.29 | 0.00     | 97800.00 |
| SPI | 0.80  | -11.11 | 0.00     | 41900.00 |
| ARM | 58.50 | -10.00 | -0.01    | 2000.00  |
| CTB | 30.80 | -9.94  | -0.02    | 300.00   |
| SDG | 21.80 | -9.92  | -0.01    | 500.00   |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                  | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11         | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1     | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | CSM | Cao su       | Nắm giữ     | 14/03/2018      | 14.7                | 17.0         | 14.9         | 157    | 94.7 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | NT2 | Điện         | Nắm giữ     | 3/12/2018       | 29.3                | 30.2         | 25.4         | 2,874  | 8.8  | 2.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | EIB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 15.0                | 17.3         | 13.6         | 1,102  | 12.3 | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | VIS | Thép         | Theo dõi    | 13/03/2018      | 34.7                | 43.0         | 25.4         | -2,092 | #N/A | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 46.8                | 55.8         | 29.5         | 3,498  | 8.4  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | VSC | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/8/2018        | 42.1                | 45.4         | 40.0         | 5,746  | 7.0  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | DIG | Bất động sản | Mua         | 3/8/2018        | 27.3                | 36.6         | 15.4         | 1,087  | 14.2 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/5/2018        | 18.0                | 20.2         | 16.0         | 2,165  | 7.4  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | HPG | Thép         | Mua         | 3/1/2018        | 66.7                | 79.3         | 34.2         | 4,334  | 7.9  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DXG | Bất động sản | Mua mạnh    | 2/12/2018       | 28.2                | 40.0         | 24.0         | 3,042  | 7.9  | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | TNG | Dệt may      | Mua         | 16/01/2018      | 15.5                | 18.1         | 18.0         | 3,200  | 5.6  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | CSV | Cao su       | Mua         | 12/6/2017       | 34.3                | 42.0         | 30.1         | 5,796  | 5.2  | 1.7 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 15/11/2017      | 56.9                | 70.2         | 42.9         | 5,322  | 8.1  | 2.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 13/11/2017      | 43.1                | 45.0         | 55.0         | 3,360  | 16.4 | 3.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | PVS | Dầu khí      | Mua         | 11/8/2017       | 16.1                | 17.5         | 18.8         | 1,747  | 10.8 | 0.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 11/3/2017       | 22.6                | 26.0         | 20.9         | 2,366  | 8.8  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | CTD | Xây dựng     | Mua         | 11/3/2017       | 225.0               | 254.3        | 157.0        | 20,202 | 7.8  | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | HAG | Nông nghiệp  | Mua         | 11/2/2017       | 8.0                 | 14.6         | 5.1          | -370   | #N/A | 0.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 24/10/2017      | 134.1               | 167.5        | 83.7         | 18,132 | 4.6  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | PNJ | Bán lẻ       | Mua         | 23/10/2017      | 109.0               | 132.0        | 91.3         | 5,428  | 16.8 | 4.4 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

